



TP. HCM, ngày 18 tháng 11 năm 2022

# ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ:

**SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐỒNG NAI**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:

**PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG MIỀN NAM**

VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG  
PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG MIỀN NAM

# ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2022 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

*(Theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng V/v: Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình)*

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

PHÂN VIỆN KINH TẾ XÂY DỰNG  
MIỀN NAM



PHÓ GIÁM ĐỐC  
PHẠM TUẤN MẠNH

TP. HỒ CHÍ MINH – NĂM 2022

**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG NĂM 2022  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

STT	Nhóm công tác xây dựng	Cấp bậc bình quân	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân nhóm (đồng/ ngày)		
			Vùng I	Vùng II	Vùng III
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>I</b>	<b>Công nhân xây dựng trực tiếp</b>				
1.1	Nhóm I	3,5/7	281.800	262.300	251.300
1.2	Nhóm II	3,5/7	300.800	280.700	267.500
1.3	Nhóm III	3,5/7	307.000	286.900	271.000
1.4	Nhóm IV				
	+ Nhóm vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng	3,5/7	313.000	305.800	295.000
	+ Nhóm lái xe các loại	2/4	313.000	305.800	295.000
<b>II</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng, thuyền phó	1,5/2	440.300	403.800	374.900
	+ Thủy thủ, thợ máy, thợ điện	2/4	348.000	319.000	296.000
	+ Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II tàu sông	1,5/2	371.700	340.900	316.500
2.2	Thợ lặn	2/4	620.000	570.000	534.000
2.3	Kỹ sư khảo sát, thí nghiệm, kỹ sư trực tiếp	4/8	350.000	325.000	308.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	620.000	568.000	527.000

- Vùng I : Địa bàn Các thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Xuân Lộc.

- Vùng II: Địa bàn Các huyện Định Quán, Thống Nhất.

- Vùng III: Địa bàn Các huyện Cẩm Mỹ, Tân Phú

- Nhóm nhân công xây dựng và nhóm nhân công khác được quy định tại Bảng 4.1, Phụ lục IV, Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Đơn giá nhân công xây dựng tại bảng trên được công bố theo cấp bậc bình quân quy định tại Bảng 4.3, Phụ lục IV, Thông tư 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.